



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện cung cấp cho khách hàng sự bảo vệ an toàn tài chính và tiết kiệm, đầu tư hiệu quả.

An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện là giải pháp tài chính tối ưu với:

- **An tâm hoạch định**

- Nhiều lựa chọn về quyền lợi bảo vệ, tiết kiệm tùy vào nhu cầu và kế hoạch tài chính của khách hàng
- Dễ dàng tăng Số tiền bảo hiểm không cần thẩm định trong những sự kiện đặc biệt trong cuộc sống

- **Bảo vệ toàn diện**

- Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi hợp đồng còn hiệu lực)
- Gia tăng quyền lợi bảo vệ trước những rủi ro do tai nạn, Bệnh ung thư
- Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung

- **Tiết kiệm hiệu quả**

- Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
- Gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu
- Thưởng duy trì hợp đồng hấp dẫn với 35% tổng lãi tích lũy sau mỗi 3 năm của hợp đồng

- **Linh hoạt hơn bao giờ hết**

- Sau 4 năm đầu tiên của hợp đồng, có thể chủ động quyết định giá trị và thời gian đóng phí
- Kể từ năm thứ 2 trở đi, được thay đổi Số tiền bảo hiểm và được rút tiền mặt từ Giá trị tài khoản hợp đồng bất kỳ lúc nào

An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện - làm chủ cuộc sống, quyết đoán tương lai

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Công ty TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do BTC cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: hơn 5.400 tỷ VNĐ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 3810 0888; Fax: (028) 3997 3000

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ tên	Giới tính	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm (1)	Nguyen Van A	Nam	30	1
Bên mua bảo hiểm (2)	Nguyen Van A	Nam	30	1

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi khi kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	Phí BH SP bổ sung	Phí BH đóng thêm dự kiến(*)	Phí BH dự kiến (*)
An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện	(1)	55	25	1.000.000.000	15.000.000		0	15.000.000
		Năm	Nửa năm	Quý				
Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ		15.000.000	7.500.000	3.750.000				

(*) Phí BH dự kiến và Phí BH đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí BH đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và quyền lợi".

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH (TVTC)

Họ và tên: Product Dummy Agent	Mã số: 158424	Văn phòng của TVTC: PA
--------------------------------	---------------	------------------------

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

QUYỀN LỢI BẢO VỆ

- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn:** là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 – 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 1 tỷ đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn đặc biệt trong độ tuổi 5 – 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 50% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 2 tỷ 500 triệu đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do Bệnh ung thư trong độ tuổi 5 – 65 tuổi và sau 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 1 tỷ đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65:** là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

- **Quyền lợi đáo hạn:** là Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng:** là 35% của tổng lãi đã được tích lũy cho Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian 36 tháng liên trước thời điểm xem xét tương ứng nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ đến thời điểm xem xét. Thưởng duy trì hợp đồng sẽ được tự động cộng thêm vào Giá trị tài khoản vào ngày cuối cùng các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15, 18 và 21 của Hợp đồng bảo hiểm
- **Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung:** Giá trị tài khoản hợp đồng gia tăng hàng tháng nhờ hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng hoặc giảm nhưng trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 4,5%/năm trong năm đầu tiên, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15, 0,5% trong các năm tiếp theo.

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

- Rút hoặc Tạm ứng tiền mặt từ Giá trị tài khoản hợp đồng bất cứ khi nào kể từ Năm hợp đồng thứ 2 để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn
- Lựa chọn tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm linh hoạt theo khả năng tài chính và nhu cầu bảo vệ trong từng giai đoạn cuộc sống.
- Lựa chọn đóng Phí bảo hiểm linh hoạt tùy theo tình hình tài chính tại từng thời điểm.
- Đầu tư thêm tại bất kỳ thời điểm nào thông qua Phí bảo hiểm đóng thêm.
- Dễ dàng yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe nhân các sự kiện quan trọng trong cuộc sống như kết hôn/sinh con hoặc con bắt đầu vào học cấp 1/cấp 2/cấp 3/Cao đẳng/Đại học.

TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

- Phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	Kể từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản	75%	30%	25%	20%	10%	3%
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm	9%	7%	7%	5%	5%	2%

- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo tỷ lệ Phí ban đầu của sản phẩm chính.
- Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. Mức phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của Người được bảo hiểm và sẽ thay đổi hàng năm.
- Phí quản lý hợp đồng là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	Từ năm 2028 trở đi
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	29.000	31.300	33.800	36.500	39.400	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000

- Phí quản lý quỹ là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ không vượt quá mức tối đa là 2% Giá trị tài khoản hợp đồng/ năm.
- Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó.

- Phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút. Phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

TẠI MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ 5%/NĂM và 7%/NĂM



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5%/năm			Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
1	30	15.000	15.000		1.000.000			1.750			1.802		
2	31	15.000	15.000		1.000.000			10.608			10.885		
3	32	15.000	15.000		1.000.000		601	21.210	7.710	849	22.170	8.670	
4	33	15.000	15.000		1.000.000			32.436	21.186		34.104	22.854	
5	34	15.000	15.000		1.000.000			45.687	34.437		48.368	37.118	
6	35	15.000	15.000		1.000.000		2.369	62.944	51.694	3.447	68.075	56.825	
7	36	15.000	15.000		1.000.000			78.547	69.547		85.572	76.572	
8	37	15.000	15.000		1.000.000			94.759	88.759		104.128	98.128	
9	38	15.000	15.000		1.000.000		4.816	116.423	113.423	7.271	131.085	128.085	
10	39	15.000	15.000		1.000.000			134.199	134.199		152.521	152.521	
11	40	15.000	15.000		1.000.000			152.699	152.699		175.309	175.309	
12	41	15.000	15.000		1.000.000		7.726	179.681	179.681	12.181	211.724	211.724	
13	42	15.000	15.000		1.000.000			200.143	200.143		238.408	238.408	
14	43	15.000	15.000		1.000.000			221.451	221.451		266.820	266.820	
15	44	15.000	15.000		1.000.000		11.177	254.826	254.826	18.489	315.581	315.581	
16	45	15.000	15.000		1.000.000			278.576	278.576		349.248	349.248	
17	46	15.000	15.000		1.000.000			303.351	303.351		385.188	385.188	
18	47	15.000	15.000		1.000.000		15.285	344.497	344.497	26.640	450.229	450.229	
19	48	15.000	15.000		1.000.000			372.367	372.367		493.330	493.330	
20	49	15.000	15.000		1.000.000			401.499	401.499		539.480	539.480	
21	50	15.000	15.000		1.000.000		20.204	452.170	452.170	37.253	626.193	626.193	
22	51	15.000	15.000		1.000.000			485.203	485.203		682.150	682.150	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

TẠI MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ 5%/NĂM và 7%/NĂM



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5%/năm			Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
23	52	15.000	15.000		1.000.000			519.798	519.798		742.276	742.276	
24	53	15.000	15.000		1.000.000			556.052	556.052		806.964	806.964	
25	54	15.000	15.000		1.000.000			594.087	594.087		876.675	876.675	

Tổng cộng 375.000

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

(4,5%/năm cho năm đầu của HĐ, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 và 0,5%/năm cho những năm tiếp theo)



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
1	30	15.000	15.000		1.000.000			1.737		
2	31	15.000	15.000		1.000.000			10.372		
3	32	15.000	15.000		1.000.000		371	20.325	6.825	
4	33	15.000	15.000		1.000.000			30.883	19.633	
5	34	15.000	15.000		1.000.000			43.191	31.941	
6	35	15.000	15.000		1.000.000		1.370	58.190	46.940	
7	36	15.000	15.000		1.000.000			72.116	63.116	
8	37	15.000	15.000		1.000.000			86.286	80.286	
9	38	15.000	15.000		1.000.000		2.683	103.383	100.383	
10	39	15.000	15.000		1.000.000			118.140	118.140	
11	40	15.000	15.000		1.000.000			132.508	132.508	
12	41	15.000	15.000		1.000.000		3.634	150.683	150.683	
13	42	15.000	15.000		1.000.000			165.495	165.495	
14	43	15.000	15.000		1.000.000			180.468	180.468	
15	44	15.000	15.000		1.000.000		4.671	200.271	200.271	
16	45	15.000	15.000		1.000.000			211.441	211.441	
17	46	15.000	15.000		1.000.000			222.417	222.417	
18	47	15.000	15.000		1.000.000		1.173	234.361	234.361	
19	48	15.000	15.000		1.000.000			244.927	244.927	
20	49	15.000	15.000		1.000.000			255.242	255.242	
21	50	15.000	15.000		1.000.000		1.346	266.625	266.625	
22	51	15.000	15.000		1.000.000			276.342	276.342	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

(4,5%/năm cho năm đầu của HĐ, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 và 0,5%/năm cho những năm tiếp theo)



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
23	52	15.000	15.000		1.000.000			285.682	285.682	
24	53	15.000	15.000		1.000.000			294.580	294.580	
25	54	15.000	15.000		1.000.000			302.991	302.991	

Tổng cộng 375.000

MINH HỌA PHẬN BỔ PHÍ VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Giá trị minh họa tại mức lãi suất cam kết								Phí bảo hiểm định kỳ năm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung		
	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt
1	15.000	386	1.745		3.750		1.737	1.802			
2	15.000	416	1.780		10.500		10.372	10.885			
3	15.000	450	1.831		11.250		20.325	22.170			
4	15.000	485	1.888		12.000		30.883	34.104			
5	15.000	524	1.960		13.500		43.191	48.368			
6	15.000	565	2.046		14.550		58.190	68.075			
7	15.000	610	2.152		14.550		72.116	85.572			
8	15.000	658	2.275		14.550		86.286	104.128			
9	15.000	701	2.410		14.550		103.383	131.085			
10	15.000	720	2.558		14.550		118.140	152.521			
11	15.000	720	2.732		14.550		132.508	175.309			
12	15.000	720	2.917		14.550		150.683	211.724			
13	15.000	720	3.097		14.550		165.495	238.408			
14	15.000	720	3.304		14.550		180.468	266.820			
15	15.000	720	3.517		14.550		200.271	315.581			
16	15.000	720	3.721		14.550		211.441	349.248			
17	15.000	720	3.972		14.550		222.417	385.188			
18	15.000	720	4.230		14.550		234.361	450.229			
19	15.000	720	4.495		14.550		244.927	493.330			
20	15.000	720	4.797		14.550		255.242	539.480			
21	15.000	720	5.126		14.550		266.625	626.193			

MINH HỌA PHẬN BỔ PHÍ VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Giá trị minh họa tại mức lãi suất cam kết							Phí bảo hiểm định kỳ năm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung			
	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt
22	15.000	720	5.502		14.550		276.342	682.150			
23	15.000	720	5.927		14.550		285.682	742.276			
24	15.000	720	6.413		14.550		294.580	806.964			
25	15.000	720	6.944		14.550		302.991	876.675			

Ghi chú

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH dự tính" đã bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Số tiền thể hiện ở các cột "Quyền lợi đảm bảo", "Phí BH cơ bản", "Phí BH đóng thêm" được minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết.
- Số tiền thể hiện ở cột "Giá trị hoàn lại" là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại trên đây được minh họa vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại sẽ thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất thực tế của Quỹ liên kết chung,...
- Số tiền thể hiện ở cột "Tiền rút ra" là số tiền được giả định là khách hàng rút từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ sung tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giả định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH Chăm sóc sức khỏe" bao gồm quyền lợi điều trị nội trú, quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng (nếu khách hàng có chọn lựa tham gia thêm) và là tổng Phí bảo hiểm của tất cả Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.
- Bảng minh họa này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm trả theo định kỳ hàng năm; Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
 - Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ trong Thời hạn bảo hiểm.
 - Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng của Hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các Giá trị tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này.
- Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong bảng minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 158424, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm